

Số: 52/2026/QĐST-DS

Tây Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026;

Căn cứ vào Văn bản có ý kiến liên quan nội dung biên bản hòa giải thành của bà Lê Thị A đề ngày 03/4/2026, của bà Lê Thị H đề ngày 08/4/2026.

Về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 183/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025

XÉT THẤY:

Bà Lê Thị G rút yêu cầu hủy một phần văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 7423, quyền số 08/2023TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 20 tháng 04 năm 2023, tại Văn phòng C, đối với thửa đất số 579(pcl), tờ bản đồ số 09, loại đất lúa, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã M, tỉnh Tây Ninh.

Bà Lê Thị G yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị T theo pháp luật đối với thửa đất số 579(pcl), tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế là 2.270m², loại đất lúa và thửa đất số 138(pcl), tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế là 1.382m², loại đất ONT, đất tại xã M, tỉnh Tây Ninh, làm 05 phần bằng nhau. Bà G yêu cầu nhận một kỷ phần bằng tiền.

Bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị H, bà Lê Thị A xác định không có yêu cầu, tranh chấp trong vụ án dân sự thụ lý số 183/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm: 1968, cư trú: Ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của bà G: Ông Võ Hùng T1, sinh năm: 1968, cư trú: Ấp C, xã C, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 11/3/2025).

Bị đơn: Ông Lê Văn T2, sinh năm: 1966, địa chỉ: Ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1962, cư trú: Ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh.
- Bà Lê Thị A, sinh năm: 1959, cư trú: Ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh
- Bà Lê Thị H, sinh năm: 1960, cư trú: Ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh
- Bà Phạm Thị T3, sinh năm: 1970, cư trú: Ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị G, ông Lê Văn T2, bà Phạm Thị T3, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị A, bà Lê Thị H thống nhất như sau:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1922 (chết ngày 03 tháng 5 năm 2016) có người thừa kế theo pháp luật gồm bà Lê Thị A, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị G, ông Lê Văn T2. Chồng bà T là ông Lê Văn T4 (chết năm 1967). Bà T chết không để lại di chúc. Bà T không có con riêng, con nuôi nào khác.

Xác định di sản của bà Nguyễn Thị T để lại gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 579, tờ bản đồ số 9, loại đất lúa; thửa đất số 138, tờ bản đồ số 9, loại đất thổ, cả 02 thửa đất trên cùng tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã M, tỉnh Tây Ninh do Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21 tháng 05 năm 2002.

Ông Lê Văn T2, bà Phạm Thị T3 liên đới chia lại cho bà Lê Thị G số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về chi phí tố tụng: là 55.000.000 đồng. Bà G, ông T2 mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ chi phí. Tạm ứng chi phí bà G đã nộp đủ, ông T2 có nghĩa vụ trả lại cho bà G là 27.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Lê Văn T2, bà Phạm Thị T3 liên đới chịu án phí là 15.000.000 đồng.

Trả lại cho bà Lê Thị G số tiền 21.300.000 đồng đã nộp theo các biên lai số 0014080; 0014081 ngày 21/02/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7-Tây Ninh (trước đây là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Vân